

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 08/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2019
(TCCS 08:2019/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**

Địa chỉ: **KCN BIÊN HOÀ 2, PHƯỜNG LONG BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ,
TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM.**

Điện thoại: **0251 3836601**

Fax: **0251 3836602**

E-mail:.....

Mã số doanh nghiệp: **3600235305**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 000136/2017/ATTP-CNĐK / Ngày cấp:

13/02/2017 /Nơi cấp: Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Thực phẩm bổ sung Sữa 5 loại đậu NESTLÉ NESVITA**

2. Thành phần: Nước, 5 loại đậu 5% (đậu hỗn hợp 3,8% (đậu nành (soy bean), đậu đỏ, đậu đen, đậu trắng (đậu navy)), dịch trích đậu xanh 1,2%), đường, dầu thực vật, chất xơ thực phẩm inulin 0,3%, khoáng chất calci carbonat, hương giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, chất ổn định 418, chất tạo ngọt tự nhiên steviol glycosides.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì sản phẩm

- Ngày sản xuất (NSX): 8 tháng trước hạn sử dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Thể tích thực: 180 ml/hộp; 30 hộp/thùng carton.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Công ty TNHH Nestlé Việt Nam. Địa chỉ: KCN Long Bình (AMATA), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Có nhãn đính kèm



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn (Đối với chỉ tiêu Kim loại nặng - Chi).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm Kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 2.28; 4.13).
- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn (Đối với chỉ tiêu Vi sinh vật).
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.6; 2.2).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 08 tháng 03 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Jean-Pierre Dawance

Giám Đốc Kỹ Thuật



HSR



Thêm rang rở
mỗi ngày

Đừng
lắc đều
trước khi sử dụng

SỮA
LOẠI ĐẬU



98%
Phụ nữ
Việt Nam
tin rằng nguồn
dinh dưỡng
từ các loại đậu
giúp duy trì
sắc khìe,
sức khỏe và
sống khỏe
mỗi ngày*



Khởi nguồn cảm hứng từ những
ly sữa đậu truyền thống nhà làm,
Sữa 5 loại đậu Nestlé NESVITA
mang hương thơm thanh mát,
ngon đậm đà, sánh mịn
với vị ngọt dịu
khiến bạn không thể chối từ.

Thành phần:
Nước, 5 loại đậu 5% (đậu hỗn hợp
3,8% (đậu xanh (soy bean), đậu đỏ,
đậu đen, đậu trắng (đậu nành)),
đậu chickpea, đậu xanh 1,2%), đường,
đậu thực vật, chất xơ thực phẩm (tổng
0,3%), khoáng chất (calcium, hương
giống tự nhiên, đường (từ
thực phẩm, chất ổn định E10, chất
tạo ngọt tự nhiên steviol glycosides).

Sản phẩm có thể chứa sữa. May contain milk.
Sản phẩm có thể có vết sữa nhưng không
ảnh hưởng tới thành phần đậu.
Không sử dụng cho người dị ứng
với các thành phần của sản phẩm.
Thành phần đậu: đậu đỏ, đậu xanh,
lúa, đậu nành, đậu đen, đậu trắng,
không thay đổi.
Mã sản phẩm: TCS0 0820191/NVL
Thể tích thực
180 ml



Nestlé
nesVita

SỮA
LOẠI ĐẬU



Nguyên bổ sung
CANXI
CHẤT XƠ

100%
không
đạm thực
lactose
vật

Thực phẩm bổ sung

Trong
180 ml
Năng
lượng
94 kcal

Xem chi tiết

THÔNG TIN DINH DƯỠNG
Giá trị dinh dưỡng trung bình
trong 180 ml sản phẩm

Năng lượng	94 kcal
Chất đạm (đạm thực vật)	2 g
Chất béo	3,4 g
Carbohydrate	13,6 g
Chất xơ thực phẩm (chất xơ tổng)	170 mg 1,41 g

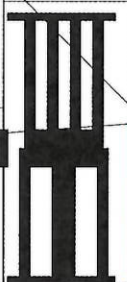
Tư Vấn
1800-6699
(Miễn phí cước gọi)
www.nestle.com/vn

NUTRITIONAL COMPASS*
Sữa mỗi ly, Công ty TNHH NESTLÉ VIỆT NAM,
KCN Long Bình (Am2A), Phường Long Bình,
Thị trấn Phố Mới, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam,
đồng thực tiếp, ghi nhãn chi dùng làm,
thích hợp cho người (mà và trẻ em gần 6 tuổi,
Nên dùng 1/2 hộp (90 ml) mỗi ngày.
Sử dụng nắp kín, đậy, tránh ánh sáng.
Thăm dò tình trạng thực phẩm
hạn sử dụng (HSD) xem trên bao bì sản phẩm
Ngày sản xuất (NSX) ở trong hoặc trên sử dụng
43949224



8 93 4804 03 4331

Nestlé
nesVita



* Theo kết quả nghiên cứu
thi trường của Công ty
THHH PSCS VIỆT NAM.



Report N°: 1902180316

Page N°: 1/ 2

Ho Chi Minh City, Date: February 18, 2019

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/02/2019

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL19/01123

Đơn hàng: FDL19/01123

CLIENT'S NAME : CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : 102/6 ĐƯỜNG SỐ 2, KHU CÔNG NGHIỆP AMATA, BIÊN HÒA,
ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Địa chỉ

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:

Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description : BEVERAGE
Mô tả mẫu : Thức Uống

Number of sample : 01 sample
Số lượng mẫu : 01 mẫu

Sample characterisation/ condition : Sample in paper box
Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong hộp giấy

Client's reference : THỰC PHẨM BỔ SUNG SỮA 5 LOẠI ĐẬU NESTLÉ
Chú thích của khách hàng : NESVITA
MFD: 29.01.2019
BATCH: 9029634810

Date sample(s) received : January 31, 2019
Ngày nhận mẫu : 31/01/2019

Testing period : January 31 – February 18, 2019
Thời gian thử nghiệm : 31/01/2019 – 18/02/2019

Test requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



SGS

Report N°: 1902180316

Page N°: 2 / 2

DETAIL TEST DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
1. Total Plate Count <i>Tổng vi khuẩn hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013 ^(H) ^(T)	1	cfu/mL
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006 ^(H) ^(T)	< 1	cfu/mL
3. <i>Clostridium perfringens</i> <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937:2004 ^(H) ^(T)	Absent <i>Không phát hiện</i>	cfu/mL
4. <i>E. Coli</i> <i>E. Coli</i>	ISO 16649-2:2001 ^(A) ^(H) ^(T)	Absent <i>Không phát hiện</i>	cfu/mL
5. <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	Ref. ISO 16266:2006 ^(*)	Absent <i>Không phát hiện</i>	cfu/mL
6. <i>Streptococci faecal</i> <i>Streptococci faecal</i>	CMMEF, chapter 10 -APHA (5 th Ed., 2015) ^(A)	Absent <i>Không phát hiện</i>	cfu/mL
7. <i>Staphylococcus aureus</i> <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12 (2016) ^(A)	Absent <i>Không phát hiện</i>	cfu/mL
8. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-1:2008	< 1	cfu/mL

Note/Ghi chú:

- ^(*) The method is not currently within the ISO 17025 accreditation scope/ *Phương pháp chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025*
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) is (are) designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày
END OF THE REPORT

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự

Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/ecertificate/authenticateCertificate.jsp>.



Số: **002606** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 02222.19



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NESTLE VIỆT NAM
Địa chỉ : 102/6 ĐƯỜNG SỐ 2, KCN AMATA, P.LONG BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : Thực phẩm bổ sung Sữa 5 loại đậu Nestlé NESVITA
Đặc điểm mẫu : MFD: 29.01.2019, Batch: 9029634810
Ngày lấy mẫu : 29/01/2019
Lượng mẫu : 02 hộp x 180 mL
Ngày nhận mẫu : 30/01/2019
Người gửi mẫu : Võ Trần Trang Thy
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	01/02/2019
2	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.04/TT.AAS - Modify AOAC 971.21:2012 (b)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	01/02/2019
3	Chì (Pb)	HD.PP.08/TT.AAS - Ref. AOAC 973.35 - 2012	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/L	01/02/2019
4	Aflatoxin B1	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 ppb	01/02/2019
5	Aflatoxin tổng (B1,B2,G1,G2)	HD.PP.04/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 ppb	01/02/2019
6	Ochratoxin A	HD.PP.17-2/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 ppb	01/02/2019
7	Zearalenone	HD.PP.27/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 5 ppb	01/02/2019
8	Deoxynivalenol	HD.PP.27/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 55 ppb	01/02/2019

Mã số mẫu: 02222.19

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong hộp giấy kín, không nhãn, thông tin sản phẩm do khách hàng cung cấp.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 02 năm 2019

f. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

K. VIỆN TRƯỞNG



Ts. Hoàng Hoài Phương



Ths.Bs Phạm Kim Anh